

Số: 22/2021/QĐST-DS

Bắc Tân Uyên, ngày 11 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Bà Vũ Thị Hạnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 235, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Quang T, sinh năm 1969. Địa chỉ: số 06, đường số 7 tổ 5, khu phố 5, phường T, quận T (nay là thành phố T), thành phố H.

- *Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn* : Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1984, địa chỉ: khu phố 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh D (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2019).

- *Bị đơn*:

1. Ông Bò Quốc V, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh D.

2. Ông Mai Văn T, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 4/12 khu phố P, phường C, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh D.

3. Ông Lê Văn Hùng A, sinh năm 1972 và bà Đinh Thị Phương M, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp cho ông Lê Văn Hùng A và bà Đinh Thị Phương M có ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989, địa chỉ: số 02 Võ Thị S, phường T L, thành phố B, tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1970, Địa chỉ: số 06, đường số 7 tổ 5, khu phố 5, phường T, quận T (nay là thành phố T), thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Như, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh D.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 4/12 khu phố P, phường C, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh D.

4. Ủy ban nhân dân huyện B, Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện B, tỉnh D.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Ông Hoàng Quang T (Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đình T) với ông Bồ Quốc V, ông Mai Văn T, ông Lê Văn Hùng A, bà Đinh Thị Phương M (Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn K).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với diện tích đất tranh chấp $67,4m^2$ thuộc thửa đất 554 tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh D (Ông Hoàng Quang T tranh chấp với ông Mai Văn T). Hai bên thống nhất thỏa thuận khi nhà nước thu hồi đất thì số tiền đền bù đối với diện tích đất $67,4m^2$ ông Hoàng Quang T được hưởng chia 60% giá trị; còn ông Mai Văn T được chia 40% giá trị.

2.2. Đối với diện tích đất tranh chấp $22,3m^2$ thuộc thửa đất 554 tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh D (Ông Hoàng Quang T tranh chấp với ông Bồ Quốc V). Hai bên thống nhất khi nhà nước thu hồi đất thì số tiền đền bù đối với diện tích đất $22,3m^2$ ông Hoàng Quang T được hưởng chia 60% giá trị; còn ông Bồ Quốc V được chia 40% giá trị.

2.3. Đối với diện tích đất tranh chấp $39,3m^2$ thuộc thửa đất 554 tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh D (Ông Hoàng Quang T tranh chấp với vợ chồng ông Lê Văn Hùng A và bà Đinh Thị Phương M). Hai bên thống nhất khi nhà nước thu hồi đất thì số tiền đền bù đối với diện tích đất $39,3m^2$ ông Hoàng Quang T được chia 60% giá trị; còn vợ chồng ông Lê Văn Hùng A và bà Đinh Thị Phương M được chia 40% giá trị.

2.4. Đối với tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi đất số tiền bồi thường tài sản trên đất thì các ông Mai Văn T, ông Bồ Quốc V, vợ chồng ông Lê Văn Hùng A và bà Lê Thị Phương M được nhận toàn bộ phần giá trị tài sản trên đất trên đất.

2.5. Khi ông Hoàng quang T được nhận tiền do nhà nước bồi thường, hỗ trợ đối với các phần đất $67,4m^2$, $22,3m^2$, $39,3m^2$ thuộc thửa đất số 554, tờ bản đồ 38, tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh D nêu trên thì ông Hoàng Quang T có trách nhiệm thông báo cho các ông ông Mai Văn T, ông Bồ Quốc V, vợ chồng ông Lê Văn Hùng A và bà Đinh Thị Phương M được biết.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyễn đơn phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng- Đã thực hiện xong).

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Quang T phải chịu số tiền 9.750.000 đồng (Chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số

tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030891; Biên lai số AA/2016/0030892; Biên lai số AA/2016/0030893 cùng ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên. Ông Hoàng Quang T phải nộp thêm số tiền 5.250.000 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Lược Vũ Thị Hạnh

Nguyễn Mạnh Hùng